TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 8 - 2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuône
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thạch Tấn Thành
2. Ông Trương Văn Mên

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Đào Trang, Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Nhẹ – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Kim Thị T, sinh ngày 09/6/2001; địa chỉ ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay thuộc ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Thạch L, sinh ngày 04/9/1994; địa chỉ ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay thuộc ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2025 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Kim Thị T trình bày: Vào năm 2023, chị và anh Thạch L tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 10/01/2023. Sau khi kết hôn thì thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau có hạnh phúc được khoảng 01 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cự cải nên anh L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân với nhau đến nay, thời gian ly thân hai bên không có ai tạo điều kiện hàn gắn. Nay nhận thấy tình trạng vợ chồng giữa chị và anh L đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh Thạch L; về con chung tên Kim Minh T1, sinh

ngày 22/11/2023 thì chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Thạch L cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Kim Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Thạch L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70,71 BLTTDS. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

+ Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án, qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Năm 2023 chị T và anh L tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn được UBND xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 10/01/2023 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bên gia đình vợ, có 01 con chung tên Kim Minh T1. Đến tháng 01/2024 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên anh L về sống bên cha mẹ ruột của anh, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong quá trình tham gia tố tụng, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh L không tham dự các phiên hòa giải, không có ý kiến gửi cho Tòa án. Như vậy có thể khẳng định tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị T thật sự đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, xét thấy cháu Kim Minh T1, sinh ngày 22/11/2023 dưới 36 tháng tuổi hiện đang sống chung với chị T và chị yêu cầu nuôi cháu, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim Thị T

- Về hôn nhân: Cho chị Kim Thị T ly hôn với anh Thạch L.
- Về con chung: Giao cháu Kim Minh T1, sinh ngày 22/11/2023 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung, nơ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa nguyên đơn chị Kim Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Thạch L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Kim Thị T và bị đơn anh Thạch L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Kim Thị T và anh Thạch L tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 10/01/2023 đúng quy định của luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Kim Thị T và anh Thạch L là hợp pháp. Theo như nguyên đơn chị Kim Thị T cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau có hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, cự cải do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên anh L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống sống ly thân với chị từ khi chị sinh con (cháu Kim Minh T1) đến nay. Thời gian ly thân hai bên không có ai tạo điều kiện hàn gắn. Nay chị Kim Thị T cho rằng tình trạng vợ chồng giữa chị và anh L đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với anh Thạch L. Đối với bị đơn anh Thạch L, mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng anh L không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim Thị T, cũng không đến Tòa án để tham gia các phiên hòa giải, điều này chứng tỏ bị đơn anh Thạch L không có thiện chí hoà giải để hàn gắn lại với chị Kim Thị T. Từ những cơ sở trên, thấy rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị Kim Thị T và anh Thạch L đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã bỏ mặt, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, việc chị Kim Thị T yêu cầu ly hôn với anh Thạch L là có căn cứ chấp nhận.

[3] Theo như chị Kim Thị T trình bày, quá trình chung sống giữa chị và anh T2 Lời có 01 người con chung tên Kim Minh T1, sinh ngày 22/11/2023. Điều này phù hợp với giấy khai sinh của cháu Kim Minh T1, sinh ngày 22/11/2023 thể hiện có cha là Thạch L và mẹ là Kim Thị T. Thấy rằng sau khi chị Kim Thị T và anh Thạch L sống ly thân với nhau (năm 2023) thì cháu Kim Minh T1 do chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu, hiện nay cháu Kim Minh T1 còn dưới 36 tháng tuổi nên việc chị Kim Thị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng đối với cháu Kim Minh T1 là phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về phần cấp dưỡng nuôi con, mặc dù quá trình tố tụng Tòa án có giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con là anh Thạch L nhưng chị Kim Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung vẫn không yêu cầu anh Thạch L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Kim Thị T không tranh chấp nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Kim Thị T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Trong vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn chị Kim Thị T phải chịu theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 58, khoản 2 Điều 81, Điều 108 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim Thị T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Kim Thị T được ly hôn với anh Thạch L.

+ Về con chung: Giao cháu Kim Minh T1, sinh ngày 22/11/2023 cho chị Kim Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Chị Kim Thị T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Chị Kim Thị T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Buộc chị Kim Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Kim Thị T đã nộp tạm ứng trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003036 ngày 10/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 13 - Vĩnh Long).

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 13 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Thuône